

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH C

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày 03/6/2025.

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn E.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu.**

2. Ông **Nguyễn Ry.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bảo Trung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C.

Hôm nay, ngày 03/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 36/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐHNGĐ-ST ngày 06/5/2025 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 05 ngày 15/5/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phùng Thị A, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 9, xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh C.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 2, xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh C.

(Bà A có đơn xin vắng mặt, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/02/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh C. Hôn nhân tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn để tái hợp nhưng đến nay không thể tiếp tục chung sống, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà A yêu cầu ly hôn với ông D.

- Về con chung: Bà A và ông D có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc A E, sinh ngày 09/10/2020 và cháu Phạm Ngọc Khánh G, sinh ngày 16/02/2023. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng được nuôi cả 02 cháu và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi con là 1.500.000đ/tháng, kể từ tháng 3/2025 cho đến các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án ông D không đến Tòa án làm việc, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

Vụ án không thuộc quy định tại khoản 2 Điều 97 và khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà A có đơn đề nghị vắng mặt, ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị A và ông Phạm Văn D có tìm hiểu và kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Nam, huyện B, tỉnh C vào ngày 17/9/2019; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của bà Phùng Thị A và ông Phạm Văn D là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án thể hiện bà A và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tòa án triệu tập ông D nhiều lần nhưng ông D không đến làm việc, không có bất kỳ trình bày nào về yêu cầu khởi kiện của bà A. Điều này cho thấy ông D bỏ mặc hôn nhân của mình, không muốn sống chung với bà A nữa. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà A và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp xử cho bà A và ông D được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy cháu E và cháu G Gg còn nhỏ và Gg sống cùng bà A khỏe mạnh, phát triển bình thường; bà Thỏa có công ăn việc làm, nơi ở ổn định nên cần giao các cháu cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng; bà A yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.500.000/tháng; thời điểm cấp dưỡng tháng 3/2025 là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà A phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị A về việc “Ly hôn” với ông Phạm Văn D, xử cho bà A và ông D được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc A E, sinh ngày 09/10/2020 và cháu Phạm Ngọc Khánh G, sinh ngày 16/02/2023 cho bà Phùng Thị A nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000/tháng; cấp dưỡng từ tháng 3/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”

3. Về án phí: Buộc bà A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 4656 ngày 26/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C (Bà A đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh C xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C ⁽²⁾
- VKS huyện B;
- VKSND tỉnh C;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện B;
- UBND xã Lộc Thành, huyện B, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nguyễn Văn E

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sáu

Nguyễn Ry

Nguyễn Văn E